

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 55/2021/DS-ST

Ngày 27-9-2021

V/v Tranh chấp vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khuru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Ông **Diệp Sơn Đ**, sinh năm 1978 và bà **Lương Thị Kim B**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Đồng bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn G** và bà **Nguyễn Thị Lệ H**, Địa chỉ: Số 47, đường số 9, khu dân cư T, Khóm M, Phường B, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B trình bày:*

Giữa ông Diệp Sơn Đ, bà Lương Thị Kim B và ông Nguyễn Văn Giao và bà Nguyễn Thị Lệ H có quen biết nên ông Đ và bà B cho ông G và bà H vay tiền nhiều lần. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/4/2017 vay số tiền 65.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 30/4/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 17/11/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 05/12//2019 vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 20/12/2019 (âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng.

Khi vay các khoản tiền này bà B và bà H cùng thỏa thuận sẽ trả lãi nhưng đến nay bà H chưa thanh toán bất cứ khoản tiền lãi nào cho bà B. Số tiền này bà B cho bà H vay trước khi kết hôn với ông Diệp Sơn Đ nhưng bà B tự nguyện nhập tài sản này vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Lần 6: Ngày 07/7/2020 vay số tiền 70.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 17/8/2020 vay số tiền 70.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 15/9/2020 vay số tiền 70.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà H, ông G vay là 355.000.000 đồng.

Sau khi vay các khoản tiền trên ông G và bà H nhiều lần hẹn nhưng không trả tiền gốc và lãi đúng hạn, năm 2020, do bà H, ông G không có khả năng thanh toán số tiền 145.000.000 đồng nên yêu cầu được trả tiền gốc và yêu cầu được trả dần mỗi tháng nên ông Đ và bà B đồng ý. Từ tháng 7/2020, ông Đ và bà B đã nhận được tổng cộng 66.400.000 đồng là một phần tiền gốc của khoản vay 145.000.000 đồng và lãi của khoản vay 210.000.000 đồng do ông G và bà H chuyển khoản vào tài khoản của ông Diệp Sơn Đ và 800.000 đồng tiền lãi do nhận tiền mặt trực tiếp. Số tiền này ông Đ và bà B thống nhất trừ vào tiền gốc cụ thể: 355.000.000 đồng – 66.400.000 đồng – 800.000 đồng = 287.800.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ông Đ và bà B yêu cầu ông G và bà H trả số tiền nợ gốc là 288.600.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ và bà B cũng thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 800.000 đồng, yêu cầu ông G và bà H trả tiền gốc còn lại là 287.800.000 đồng và lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 22/01/2021 đến khi thanh toán xong các khoản tiền trên số tiền gốc 287.800.000 đồng theo lãi suất quy định của nhà nước là 10%/năm.

** Tại các lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H thống nhất trình bày:*

Ông G, bà H có vay tiền của bà Lương Thị Kim B nhiều lần và thống nhất có vay ông Đ, bà B số tiền 145.000.000 đồng theo 05 biên nhận cụ thể như sau biên nhận ngày 20/4/2017 vay số tiền 65.000.000 đồng, biên nhận ngày 30/4/2019 vay 20.000.000 đồng, biên nhận ngày 17/11/2019 vay 20.000.000 đồng, biên nhận ngày 05/12//2019 vay 20.000.000 đồng, biên nhận ngày 20/12/2019 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng. Tuy các biên nhận chỉ có bà H ký tên nhưng ông G cũng đồng ý xác định số tiền này là nợ chung vợ chồng nên đồng ý cùng có trách nhiệm trả số tiền này với bà H.

Đối với số tiền 210.000.000 đồng ông Đ và bà B yêu cầu ông G và bà H trả thì ông bà không đồng ý vì theo 03 biên nhận ngày 07/7/2020, ngày 17/8/2020, ngày 15/9/2020, mỗi biên nhận 70.000.000 đồng tuy ông bà có ký tên và ghi họ tên trong biên nhận nhưng số tiền thực tế ông bà vay chỉ có 70.000.000 đồng. Lý do có 03 biên nhận vì đến ngày hạn trả nợ ông G và bà H

có trả đủ số tiền gốc 70.000.000 đồng, ngay sau đó ông bà vay lại 70.000.000 đồng nên ông bà viết lại biên nhận nợ 70.000.000 đồng mới. Khi viết biên nhận mới, số tiền nợ 70.000.000 đồng vay lần trước đã trả xong nhưng vì tin tưởng ông Đ, bà B nên ông G bà H không lấy lại biên nhận nợ cũ. Tuy có 03 biên nhận vay số tiền 70.000.000 đồng có 02 biên nhận ngày 07/7/2020 và ngày 17/8/2020 đã trả xong, ông Đ và bà B yêu cầu trả tổng cộng 210.000.000 đồng thì ông không đồng ý chỉ đồng ý trả 70.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 15/9/2020.

Về lãi, ngoài số tiền lãi đã trả là 67.200.000 đồng như ông Đ và bà B trình bày ông G, bà H đã trả cho ông Đ, bà B nhiều khoản tiền lãi khác và do trả bằng tiền mặt nên không có biên nhận trả lãi. Đối với tiền lãi đã đóng cụ thể như sau: Lãi vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất là 30%/tháng, ông G, bà H đã đóng cho bà B và ông Đ liên tục trong 5 tháng mỗi ngày 700.000 đồng, đóng lãi từ ngày 7/7/2020 đến ngày 02/12/2020; đối với lãi vay số tiền 145.000.000 đồng, ông bà đã đóng lãi nhiều lần và đóng rất nhiều tiền lãi cho ông Đ, bà B không xác định được tiền lãi đã trả là bao nhiêu.

Nay ông Đ và bà B xác định số tiền 67.200.000 đồng trừ vào tiền nợ gốc thì ông bà đồng ý và ông bà chỉ đồng ý trả cho ông Đ, bà B số tiền 215.000.000 đồng – 67.200.000 đồng = 147.800.000 đồng và không đồng ý trả bất cứ khoản tiền lãi nào khác.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B, buộc ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ trả cho ông Đ, bà B số tiền nợ vay là 287.800.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên từ ngày thụ lý vụ án đến khi trả xong các khoản tiền theo lãi suất quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 288.600.000 đồng và tiền lãi của số tiền này, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông

Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H cùng có nơi cư trú tại khóm H, phường B, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch vay số tiền 65.000.000 đồng ông G, bà H và ông Đ, bà B ký kết ngày 20/4/2017, tính đến ngày khởi kiện đã trên 03 năm, tuy nhiên ông G và bà H thừa nhận nghĩa vụ nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 157; Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

[2]Về nội dung vụ án:

Ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B yêu cầu ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H trả cho ông Đ và bà B số tiền nợ gốc là 288.600.000 đồng. Tại phiên tòa ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B rút lại yêu cầu khởi kiện về phần tiền nợ gốc 800.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với số tiền gốc 800.000 đồng này.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ bà B đối với tiền nợ gốc là 287.800.000 đồng. Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H thống nhất nợ ông Đ và bà B số tiền 215.000.000 đồng, tuy ông G không ký tên vào các biên nhận vay tổng số tiền 145.000.000 đồng nhưng ông G và bà H cùng thống nhất trả số tiền này nên có cơ sở xác định giao dịch vay số tiền 215.000.000 đồng giữa các đương sự là có xảy ra trên thực tế, là nợ chung của ông G và bà H, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng vay ngày 07/7/2020 và số tiền 70.000.000 đồng vay ngày 17/8/2020, ông G và bà H xác định ông bà có ký tên và ghi họ tên trong 02 biên nhận trên nhưng thực tế ông bà đã trả xong số tiền này. Lý do ông Đ bà B còn giữ 02 biên nhận vì đến ngày hẹn trả nợ ông G và bà H có trả đủ số tiền gốc 70.000.000 đồng, ngay sau đó ông bà vay lại 70.000.000 đồng nên ông bà viết lại biên nhận nợ 70.000.000 đồng mới mà không thu hồi biên nhận cũ. Xét ý kiến trình bày của ông G và bà H thấy rằng ông bà thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 07/7/2020 và ngày 17/8/2020 là do ông G, bà H ký và viết ra cũng thừa nhận có vay tiền ông Đ bà B nên giao dịch vay tiền là xảy ra trên thực tế. Xét thấy tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh như sau: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*, đồng thời *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*, *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ*

đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Ông G và bà H cho rằng đã trả xong số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng nói trên nhưng ông bà không cung cấp bất cứ chứng cứ nào khác chứng minh cho vấn đề này nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông G, bà H.

Ông Đ và bà B thừa nhận ông G và bà H đã trả được cho ông bà số tiền lãi 66.400.000 đồng qua việc chuyển khoản và 800.000 đồng bằng tiền mặt và xác định trừ số tiền này vào tiền gốc, xét thấy, tuy ông Đ và bà B xác định giao dịch vay tiền của các đương sự có thỏa thuận lãi là 5% đến 7 %, vượt quá quy định pháp luật nhưng ông Đ và bà B đã đối trừ tiền lãi ông G và bà H đã đóng vào nợ gốc, là sự tự nguyện của đương sự, ông G và bà H cũng đồng ý đối trừ số tiền này vào nợ gốc nên Tòa án ghi nhận và không xem xét điều chỉnh lại tiền lãi theo quy định pháp luật.

Ông G và bà H xác định ông Đ và bà B cho vay với lãi suất cao vượt quá quy định của nhà nước và cung cấp cho Tòa án các file ghi âm do ông G, bà H tự ghi thể hiện các cuộc nói chuyện giữa ông G, bà H với ông Đ và bà B. Xét thấy rằng, mặc dù ông Đ và bà B cũng thống nhất nội dung các file ghi âm là đúng, tiếng nói trong file ghi âm cũng là tiếng nói của ông Đ và bà B nhưng trong toàn bộ nội dung các file ghi âm không thể hiện ông Đ, bà B cho ông G, bà H vay với lãi suất bao nhiêu, không thể hiện số tiền ông G, bà H chuyển khoản cho ông Đ là đóng tiền lãi cho khoản tiền gốc nào, không thể hiện số tiền chuyển khoản là tiền gốc hay lãi nên hội đồng xét xử không đủ cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của ông G, bà H về phần này.

Từ nội dung trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà B đối với ông G, bà H về số tiền nợ gốc là 287.800.000 đồng.

Về lãi: Ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B yêu cầu ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 22/01/2021 đến khi trả xong các khoản tiền. Xét thấy, các đương sự trình bày về lãi không thống nhất, ông Đ xác định lãi vay là 5%/tháng đến 7%/tháng, ông G và bà H xác định lãi là 30%/tháng nhưng không có giấy tờ chứng cứ xác định lãi suất cho vay nên thuộc trường hợp có tranh chấp về lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 “... có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Căn cứ quy định trên yêu cầu của ông Đ và bà B phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận buộc ông G và bà H trả cho ông Đ và bà B số tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau: 287.800.000 đồng x 10%/năm x 08 tháng 05 ngày = 19.586.229 đồng.

Các khoản vay trên ông Đ và bà B xác định là tài sản chung của vợ chồng, tuy trong biên nhận không ghi tên ông Đ hoặc không ghi tên bà B, có khoản vay giao dịch trước khi đăng ký kết hôn nhưng cả ông Đ và bà B đều thống nhất

nhập các khoản tiền vay này vào tài sản chung vợ chồng nên xác định đây là tài sản chung của ông Đ và bà B, ông G và bà H có nghĩa vụ trả cho ông Đ và bà B khoản tiền này.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ trả cho ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B số tiền nợ vay gốc và lãi là 307.386.229 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 307.386.229 đồng x 5% = 15.369.311 đồng.

Ông Đ và bà B không phải nộp án phí, ông Đ và bà B đã dự nộp tạm ứng án phí 7.215.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011782 ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 217; khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào điểm a, b khoản 1 Điều 157; Điều 429; Điều 463; 466; 468; 470; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B với ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H.

2. Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H trả cho ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B số tiền gốc và lãi tính từ ngày thụ lý vụ án 22/01/2021 đến xét xử sơ thẩm 27/9/2021 là 307.386.229 đồng (*Ba trăm lẻ bảy triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc là 287.800.000 đồng, lãi là 19.586.229 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B đối với số tiền nợ gốc là 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 15.369.311 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm mười một đồng*).

Ông Diệp Sơn Đ và bà Lương Thị Kim B không phải nộp án phí, ông Đ và bà B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 7.215.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011782 ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Thị Tuyết Anh